

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Như Tr, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 117,118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Như Tr với anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Như Tr và anh Trần Văn T tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

-*Về con chung:* Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có một con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Trần An Tr, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2014 cho chị Lê Thị Như Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trường đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu Tr trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (anh Trần Văn T) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Căn cứ điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ khi quyết định này được ban hành, chị Lê Thị Như Tr (bên có quyền) có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Trần Văn T (bên có nghĩa vụ) không thực hiện đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 5; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5; Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm (Thuận tình ly hôn) là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), các đương sự phải chịu. Anh Trần Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Nhưng chị Lê Thị Như Tr tự nguyện thỏa thuận chịu toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng chẵn) chị Lê Thị Như Tr đã nộp theo biên lai số AA/2016/ 0000587 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Lê Thị Như Tr đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh ;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Đ, H.H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh

